

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 70/2023/DS-ST

Ngày: 12-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Vũ.

Bà Trần Thị Thi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 413/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1976 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp AĐG, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm: 1971 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp a, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị Kim L, sinh năm: 1978 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp AĐG, xã TB, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-4-2022, bản tự khai các ngày 09-6-2022, 22-6-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:

Vào ngày 10-3-2022, bà Võ Thị H có hỏi vay của ông số tiền 29.000.000 đồng để sử dụng việc riêng của bà H mà không nói lý do cụ thể. Do chỗ quen biết, nên ông cho vay tiền không tính lãi. Bà Huệ có viết biên nhận nợ với ông, hứa trong vòng 30 ngày sau sẽ trả lại hết nợ. Nhưng cho đến hôm nay bà H vẫn không trả tiền cho ông. Nên ông có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ

Thị H trả lại cho ông 29.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh trên tiền nợ gốc theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tính từ ngày 10-3-2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, do thấy hoàn cảnh gia đình của bà H có nhiều khó khăn, nên ông tự nguyện rút phần yêu cầu tính lãi, còn kiện đòi bà H trả cho ông số tiền nợ gốc là 29.000.000 đồng.

Ông đã nộp cho Tòa án bản gốc tờ Biên nhận thỏa thuận vay tiền ngày 10-3-2022. Ngoài ra, ông không nộp thêm chứng cứ gì khác, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-6-2023, bị đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bà xác nhận có vay tiền của ông Huỳnh Văn N để trả nợ Ngân hàng. Đến nay đã lâu nên bà không nhớ ngày vay. Bà vay ông N số tiền là 20.000.000 đồng, nhận tiền một lần, không làm biên nhận, không người chứng kiến, lãi suất thỏa thuận tính cứ 1.000.000 đồng tiền gốc thì đóng lãi 5.000 đồng/ngày, không thỏa thuận cụ thể thời hạn trả mà bà chỉ hứa khi nào bà làm được thẻ tín dụng vay tiền Ngân hàng, thì sẽ trả nợ cho ông N. Sau khi vay, do thời gian lâu mà bà chưa trả được nợ, cũng không đóng lãi, nên đến ngày 10-3-2022, ông N yêu cầu bà viết tờ Biên nhận thỏa thuận vay tiền của ông N. Bà xác nhận bản gốc tờ biên nhận này (Ông N đã nộp cho Tòa án) là do bà tự viết nội dung và tự ký tên, ghi họ tên và bà xác nhận hiện nay còn nợ tiền của ông N tổng cộng là 29.000.000 đồng (Theo bà gồm tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 9.000.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh tiền gốc, lãi nộp cho Tòa án). Nay ông N kiện đòi bà trả lại 29.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý trả, nhưng xin trả dần dần, vì hoàn cảnh kinh tế gia đình hiện nay rất khó khăn.

Bà thống nhất các chứng cứ mà ông N đã nộp cho Tòa án và Tòa án đã công khai cho bà biết. Riêng bà không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét, không yêu cầu phản tố gì trong cùng vụ án, không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Tại bản tự khai ngày 22-6-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Kim L trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh Văn N. Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu và ý kiến của ông N đã nêu là bà Võ Thị H phải trả tiền nợ đã vay cho ông N. Bà không yêu cầu gì cho riêng bà trong cùng vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử

thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn N; Buộc bà Võ Thị H trả cho ông N số tiền nợ là 29.000.000 đồng; Trường hợp bà H chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của ông N về việc tính lãi trên tiền nợ gốc so với nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện. Ngoài ra, Vị đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với bà H và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Huỳnh Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H trả số tiền đã vay còn nợ. Nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với bà Huệ có địa chỉ cư trú tại ấp a, xã ATA, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ông Huỳnh Văn N khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị H trả nợ tiền vay, giao dịch dân sự (cho vay tài sản) trong thời kỳ hôn nhân của ông N và bà Lâm Thị Kim L. Cả ông N và bà H cùng xác nhận số tiền vay là bà H sử dụng cho cá nhân bà H, không liên quan đến ai khác. Nên xác định ông N là nguyên đơn, bà H là bị đơn, bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Huỳnh Văn N, bà Võ Thị H, bà Lâm Thị Kim L đã được Tòa án nhân dân huyện C triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng cả 03 đương sự cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[4] *Về nội dung khởi kiện:* Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn N và bị đơn bà Võ Thị H cùng thống nhất xác định có việc ông N cho bà H vay số tiền 29.000.000 đồng là sự thật. Nay ông N yêu cầu bà H phải trả tiền nợ; Bị đơn bà H đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần dần. Để chứng minh cho yêu

cầu khởi kiện, ông N đã cung cấp cho Tòa án bản gốc tờ Biên nhận thỏa thuận vay tiền ngày 10-3-2022 có chữ viết, chữ ký tên, ghi họ tên của bà H; Tại biên bản lấy lời khai ngày 21-6-2023, bà H thừa nhận tờ Biên nhận này và thừa nhận có nợ của ông N, bà H không nộp chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Xét việc bị đơn bà H chưa trả khoản tiền đã vay, nên nguyên đơn ông N yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự. Việc bà H xin trả dần số tiền nợ, nhưng ông N không chấp nhận. Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến xin trả dần tiền nợ của bị đơn, khi nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về thời gian và cách thức trả nợ.

[5] *Về lãi suất*: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn N rút lại phần yêu cầu tính lãi so với nội dung yêu cầu của đơn khởi kiện. Xét việc ông N rút phần yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Tòa án đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông N. Đối với bị đơn bà H không có yêu cầu phản tố về tiền lãi trong cùng vụ án, nên không có cơ sở Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn N; Buộc bà Võ Thị H có nghĩa vụ phải trả lại cho ông N số tiền đã vay còn nợ là 29.000.000 đồng.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của ông Huỳnh Văn N được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đối với bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% trên số tiền nợ phải trả cho ông N.

[8] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí, lệ phí Tòa án) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn N.

Buộc bị đơn bà Võ Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Văn N số tiền đã vay còn nợ là 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của ông Huỳnh Văn N về việc yêu cầu bà Võ Thị H trả tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc từ ngày 10-3-2022 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị H phải chịu 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Văn N 725.000đ (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0013122 ngày 21 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo